

KINH ĐẠI BÁT NIẾT BÀN

QUYỂN XXV

Phẩm 23: BỒ TÁT SƯ TỬ HỔNG 1

Bấy giờ, Đức Phật bảo tất cả đại chúng:

–Này các Thiện nam! Nếu các ông nghi ngờ có Phật hay không có Phật, có Pháp hay không có Pháp, có Tăng hay không có Tăng, có Khổ hay không có Khổ, có Tập hay không có Tập, có Diệt hay không có Diệt, có Đạo hay không có Đạo, có thật hay không có thật, có ngã hay không có ngã, có lạc hay không có lạc, có tịnh hay không có tịnh, có thường hay không có thường, có thừa hay không có thừa, có tánh hay không có tánh, có chúng sinh hay không có chúng sinh, có hữu hay không có hữu, có chân hay không có chân, có nhân hay không có nhân, có quả hay không có quả, có tác hay không có tác, có nghiệp hay không có nghiệp, có báo hay không có báo, thì nay Ta cho các ông mặc ý hỏi. Ta sẽ vì các ông phân biệt giảng nói. Này thiện nam! Ta thật chẳng thấy hoặc trời, hoặc người, hoặc ma, hoặc Phạm, hoặc Sa-môn, hoặc Bà-la-môn có đến hỏi mà Ta chẳng thể đáp.

Lúc này, trong chúng hội có một vị Bồ-tát tên là Sư Tử Hống, liền đứng dậy, nghiêm sắc mặt, sửa y phục đến trước lễ dưới chân Phật, quỳ dài, vòng tay bạch Phật:

–Bạch Thế Tôn! Con vừa muốn hỏi thì Như Lai đại bi đại từ rủ lòng thương cho phép.

Bấy giờ, Đức Phật bảo các đại chúng:

–Này các thiện nam! Nay các ông đối với vị Bồ-tát này phải sinh lòng cung kính sâu xa, tôn trọng, khen ngợi, phải dùng đủ thứ hương hoa, kỹ nhạc, chuỗi ngọc, cờ phướn, lọng báu, y phục, thức ăn,

thức uống, đồ nằm, thuốc men, phòng nhà, cung điện mà cúng dường, rước đến, đưa đi. Vì sao? Vì người này đã ở chỗ các Đức Phật quá khứ trồng sâu căn lành, thành tựu phước đức. Vậy nên hôm nay ở trước Ta, ông muốn rống tiếng rống sư tử. Này thiện nam! Như sư tử chúa tự biết sức lực, nhanh vượt bén nhọn, bốn chân chống đất, đứng vững trong hang, đập đuôi phát tiếng. Nếu sư tử có đủ các tướng như vậy thì phải biết nó có thể rống tiếng rống sư tử. Sư tử chúa thật, sáng sớm ra khỏi hang, vươn vai ngáp dài, quay nhìn bốn hướng, phát ra tiếng rống chấn động vì mười một việc. Những gì là mười một? Một là vì muốn hoại loài chẳng phải sư tử thật mà giả làm sư tử. Hai là muốn thử sức lực của mình. Ba là vì muốn chỗ ở sạch. Bốn là vì muốn các con biết chỗ ở. Năm là vì muốn bày đàn không kinh sợ. Sáu là vì muốn những loài ngủ được thức tỉnh. Bảy là vì muốn tất cả các loài thú buông lung chẳng buông lung. Tám là vì muốn các loài thú đến châu hầu. Chín là vì muốn điều phục các con hương tượng. Mười là vì muốn dạy bảo con cái. Mười một là vì muốn trang nghiêm quyến thuộc của mình. Tất cả loài cầm thú nghe tiếng rống sư tử thì loài sống dưới nước lặn xuống vực sâu, loài đi trên đất giấu mình trong hang động, loài bay trên không rơi xuống đất. Những con hương tượng lớn sợ chạy vãi phân. Này thiện nam! Như loài dã can kia cho dù có theo sư tử đến hàng trăm năm thì chẳng bao giờ có thể rống được tiếng rống của sư tử. Nếu sư tử bắt đầu tròn ba tuổi thì có thể rống như sư tử chúa. Này thiện nam! Như Lai có móng vuốt trí tuệ, chân bốn như ý, thân đầy đủ sáu pháp Ba-la-mật, sức mạnh mười lực, đuôi đại bi, an trụ trong hang thanh tịnh Tứ thiên, vì các chúng sinh mà rống tiếng rống sư tử, dẹp phá quân ma, mười lực thị chúng, mở hành xứ của Phật, làm chỗ quy y cho các tà kiến, an ủi vỗ về chúng sinh kinh sợ sinh tử, thức tỉnh chúng sinh trong giấc ngủ vô minh, làm cho người làm điều ác sinh lòng hối hận, khai thị tất cả chúng sinh tà kiến, khiến cho họ biết hàng Lục sư chẳng phải là sư tử hống, phá lòng kiêu mạn của Phú-lan-na v.v... Vì khiến cho hàng Nhị thừa sinh lòng hối hận, vì dạy các Bồ-tát ở địa thứ năm sinh tâm đại lực, vì khiến cho bốn bộ chúng chánh kiến đối với bốn bộ đồ đảng tà kiến kia chẳng sinh sợ hãi, nên từ trong hang

động Thánh hạnh, Phạm hạnh, Thiên hạnh vươn vai mà ra. Vì muốn khiến cho những chúng sinh đó phá kiêu mạn nên ngáp dài. Vì khiến cho những chúng sinh đó sinh ra pháp thiện nên quay nhìn bốn hướng. Vì khiến cho những chúng sinh đó được bốn vô ngại nên bốn chân chống đất. Vì khiến cho những chúng sinh an trụ đầy đủ ở Giới Ba-la-mật nên rống tiếng rống sư tử. Tiếng rống sư tử là nói quyết định rằng tất cả chúng sinh đều có Phật tánh, Như Lai thường trụ không có biến dịch. Nay thiện nam! Thanh văn, Duyên giác tuy lại theo Như Lai Thế Tôn đến vô lượng trăm ngàn vô số kiếp mà cũng chẳng thể làm nên tiếng rống sư tử. Bồ-tát Thập Trụ nếu có thể tu hành ba hành xứ này thì phải biết là có thể rống tiếng rống sư tử. Nay các Thiện nam! Đại Bồ-tát Sư Tử Hống này hôm nay muốn rống lên tiếng rống sư tử lớn như vậy. Vậy nên các ông cần phải hết lòng cúng dường cung kính, tôn trọng khen ngợi.

Bấy giờ, Đức Thế Tôn bảo Đại Bồ-tát Sư Tử Hống:

–Nay thiện nam! Nếu ông muốn hỏi thì hôm nay có thể tùy ý.

Đại Bồ-tát Sư Tử Hống bạch Phật:

–Bạch Thế Tôn! Sao gọi là Phật tánh? Do ý nghĩa gì nên gọi là Phật tánh? Vì sao lại gọi là thường, lạc, ngã, tịnh? Nếu tất cả chúng sinh có Phật tánh thì vì sao chẳng thấy Phật tánh của tất cả chúng sinh? Bồ-tát Thập Trụ trụ ở những pháp gì mà chẳng thấy rõ ràng? Phật trụ ở những pháp gì mà thấy rõ ràng? Bồ-tát Thập Trụ dùng những mắt gì mà chẳng thấy rõ ràng? Phật dùng mắt gì mà thấy rõ ràng?

Đức Phật dạy:

–Nay thiện nam! Hay thay! Hay thay! Nếu có người có thể vì pháp thưa hỏi thì được đầy đủ hai thứ trang nghiêm, một là trí tuệ, hai là phước đức. Nếu có Bồ-tát đầy đủ hai thứ trang nghiêm như vậy thì biết được Phật tánh và cũng hiểu biết sao gọi là Phật tánh cho đến có thể biết Bồ-tát Thập Trụ dùng mắt gì để thấy, chư Phật Thế Tôn dùng mắt gì để thấy.

Bồ-tát Sư Tử Hống bạch:

–Bạch Thế Tôn! Sao gọi là trí tuệ trang nghiêm? Sao gọi là

phước đức trang nghiêm?

–Này thiện nam! Tuệ trang nghiêm là gọi từ địa thứ nhất cho đến địa thứ mười. Đó gọi là tuệ trang nghiêm. Phước đức trang nghiêm là gọi từ Thí Ba-la-mật cho đến Bát nhã, chẳng phải là Bát nhã Ba-la-mật. Lại nữa, này thiện nam! Tuệ trang nghiêm là gọi chư Phật, Bồ-tát. Phước đức trang nghiêm là gọi Thanh văn, Duyên giác, Bồ-tát Cứu trụ.

Lại nữa, này thiện nam! Phước đức trang nghiêm là hữu vi, hữu lậu, có hữu, có quả báo, có ngăn ngại, chẳng phải thường là những pháp phàm phu. Tuệ trang nghiêm là vô vi, vô lậu, không hữu, không quả báo, không ngăn ngại, thường trụ. Này thiện nam! Nay ông đầy đủ hai thứ trang nghiêm này nên có thể hỏi diệu nghĩa thâm diệu. Ta cũng đầy đủ hai thứ trang nghiêm này nên có thể đáp nghĩa đó.

Đại Bồ-tát Sư Tử Hống bạch:

–Bạch Thế Tôn! Nếu có Bồ-tát đầy đủ hai thứ trang nghiêm như vậy, thì chẳng nên hỏi một thứ, hai thứ... thì sao Đức Thế Tôn nói rằng có thể đáp một thứ, hai thứ. Vì sao? Vì tất cả các pháp không một, hai thứ. Một thứ, hai thứ là tướng của phàm phu.

Đức Phật dạy:

–Này thiện nam! Nếu có Bồ-tát không có hai thứ trang nghiêm thì chẳng thể biết một thứ, hai thứ. Nếu có Bồ-tát đủ hai thứ trang nghiêm thì có thể hiểu biết một thứ, hai thứ. Nếu nói rằng các pháp không một, hai thì nghĩa này chẳng đúng. Vì sao? Nếu không một, hai thì làm sao được nói tất cả các pháp không một, không hai. Này thiện nam! Nếu nói rằng, một, hai là tướng của phàm phu thì đó mới gọi là Bồ-tát Thập Trụ, chẳng phải phàm phu. Vì sao? Vì một là gọi Niết-bàn, hai là gọi sinh tử. Vì sao một gọi là Niết-bàn? Vì một ấy thường. Vì sao hai gọi là sinh tử? Vì ái, vô minh. Cái thường của Niết-bàn chẳng phải tướng phàm phu. Sinh tử là hai thì cũng chẳng phải tướng phàm phu. Do nghĩa này nên người đủ hai thứ trang nghiêm thì có thể hỏi, có thể đáp. Này thiện nam! Ông hỏi, sao gọi là Phật tánh? Ông hãy lắng nghe, lắng nghe! Ta sẽ vì ông phân biệt

giảng nói. Này thiện nam! Phật tánh là gọi đệ nhất nghĩa không. Đệ nhất nghĩa không gọi là trí tuệ. Cái nói là không thì chẳng thấy không cùng chẳng không. Người trí tuệ thấy không cùng chẳng không, thường cùng vô thường, khổ cùng lạc, ngã cùng vô ngã. Không là tất cả sinh tử, chẳng không thì gọi là Đại Niết-bàn cho đến vô ngã tức là sinh tử. Ngã thì gọi là Đại Niết-bàn. Thấy tất cả không, chẳng thấy chẳng không chẳng gọi là trung đạo cho đến thấy tất cả vô ngã, chẳng thấy ngã thì chẳng gọi là trung đạo. Trung đạo thì gọi là Phật tánh. Do nghĩa này nên Phật tánh thường hằng không có biến dịch, vì vô minh che nên khiến cho chúng sinh chẳng thể thấy. Thanh văn, Duyên giác thấy tất cả không, chẳng thấy chẳng không cho đến thấy tất cả vô ngã, chẳng thấy ngã. Do nghĩa này nên họ chẳng được đệ nhất nghĩa không. Chẳng được đệ nhất nghĩa không nên chẳng hành Trung đạo. Không hành Trung đạo nên chẳng thấy Phật tánh. Này thiện nam! Người chẳng thấy Trung đạo gồm có ba hạng: Một là định lạc hạnh, hai là định khổ hạnh, ba là khổ lạc hạnh. Định lạc hạnh là gọi Đại Bồ-tát thương xót tất cả chúng sinh nên tuy ở tại địa ngục A-tỳ nhưng như niềm vui Tam thiên. Định khổ hạnh là gọi các phàm phu. Khổ lạc hạnh là gọi Thanh văn, Duyên giác. Thanh văn, Duyên giác hành theo khổ lạc, khởi tư tưởng Trung đạo. Do nghĩa này nên tuy có Phật tánh mà chẳng thể thấy. Như lời ông đã hỏi, do nghĩa gì nên gọi là Phật tánh? Này thiện nam! Phật tánh tức là chủng tử trung đạo của tất cả các Đức Phật Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác. Lại nữa, này thiện nam! Đạo có ba bậc là hạ, trung, thượng. Hạ là Phạm thiên, vô thường lắm thấy là thường. Thượng là sinh tử vô thường lắm thấy là thường, Tam bảo là thường mà chấp là vô thường. Sao gọi là thượng? Có thể đắc Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác. Trung gọi là đệ nhất nghĩa không: vô thường thấy là vô thường, thường thấy là thường. Đệ nhất nghĩa không chẳng gọi là hạ. Vì sao? Vì điều mà tất cả phàm phu không đạt được nên chẳng gọi là thượng. Vì sao? Vì đó chính là thượng. Đạo tu hành của chư Phật, Bồ-tát chẳng thượng, chẳng hạ. Do nghĩa này nên gọi là trung đạo.

Lại nữa, này thiện nam! Bản thể của sinh tử có hai thứ: một là

vô minh, hai là hữu ái. Trung gian của hai thứ này thì có khổ của sinh, già, bệnh, chết. Đó gọi là trung đạo. Như vậy trung đạo có thể phá sinh tử nên gọi là trung. Do nghĩa này nên pháp trung đạo gọi là Phật tánh. Vậy nên Phật tánh thường, lạc, ngã, tịnh. Do các chúng sinh chẳng thể thấy nên cho là vô thường, vô lạc, vô ngã, vô tịnh. Phật tánh thật chẳng phải vô thường, vô lạc, vô ngã, vô tịnh. Đây thiện nam! Ví như người nghèo nhà có kho báu mà người đó chẳng thấy. Do chẳng thấy nên vô thường, vô lạc, vô ngã, vô tịnh. Có thiện tri thức nói với người đó: “Trong nhà ông có kho vàng mà vì sao ông vẫn cùng khổ, vô thường, vô lạc, vô ngã, vô tịnh như vậy?”. Người này liền dùng phương tiện khiến cho người nghèo kia thấy được. Do thấy được kho báu nên người đó liền được thường, lạc, ngã, tịnh. Phật tánh cũng vậy, chúng sinh chẳng thấy mà do chẳng thấy nên vô thường, vô lạc, vô ngã, vô tịnh. Có thiện tri thức là chư Phật, Bồ-tát dùng sức phương tiện, đủ thứ lời dạy bảo khiến cho những chúng sinh đó thấy được. Do thấy được Phật tánh nên chúng sinh liền được thường, lạc, ngã, tịnh.

Lại nữa, đây thiện nam! Chúng sinh khởi kiến chấp có hai thứ: một là thường kiến, hai là đoạn kiến. Hai kiến như vậy chẳng gọi là trung đạo; vô thường, vô đoạn mới gọi là Trung đạo. Vô thường, vô đoạn tức là trí quán chiếu mười hai nhân duyên. Trí quán như vậy gọi là Phật tánh. Hàng Nhị thừa tuy quán nhân duyên nhưng cũng chẳng được gọi là Phật tánh. Phật tánh tuy thường do vô minh của chúng sinh che lấp nên chẳng thể thấy được, lại chưa có thể qua khỏi dòng sông mười hai nhân duyên, giống như con thỏ, con ngựa. Vì sao? Vì chẳng thấy Phật tánh. Đây thiện nam! Trí tuệ quán mười hai nhân duyên này tức là hạt giống Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác. Do nghĩa này nên mười hai nhân duyên gọi là Phật tánh. Đây thiện nam! Ví như dưa hấu gọi là bệnh nóng. Vì sao? Vì nó có thể làm nhân duyên cho bệnh nóng. Mười hai nhân duyên cũng như vậy. Đây thiện nam! Phật tánh có nhân, có nhân của nhân, có quả, có quả của quả. Có nhân tức là mười hai nhân duyên. Nhân của nhân tức là trí tuệ. Có quả tức là Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác. Quả của quả tức là Đại Bát Niết Bàn vô thượng. Đây thiện nam! Ví như vô minh

là nhân, các hành là quả, hành là nhân, thức là quả. Do nghĩa này nên thể của vô minh đó cũng là nhân, cũng là nhân của nhân và thức cũng là quả, cũng là quả của quả. Phật tánh cũng vậy. Đây thiện nam! Do nghĩa này nên mười hai nhân duyên chẳng sinh, chẳng diệt, chẳng thường, chẳng đoạn, chẳng phải một, chẳng phải hai, chẳng lại, chẳng đi, chẳng phải nhân, chẳng phải quả. Đây thiện nam! Nhân này chẳng phải quả. Như Phật tánh là quả chẳng phải nhân. Như Đại Niết-bàn là nhân, là quả. Như các pháp do mười hai nhân duyên sinh ra chẳng phải nhân, chẳng phải quả nên gọi là Phật tánh, chẳng phải nhân quả nên thường hằng không biến dịch. Do nghĩa này nên trong kinh Ta nói mười hai nhân duyên, nghĩa ấy thâm diệu, không biết, không thấy, chẳng thể nghĩ bàn, là cảnh giới của chư Phật, Bồ-tát, chẳng phải là chỗ với đến của hàng Thanh văn, Duyên giác. Do nghĩa gì nên vô cùng sâu xa? Nghiệp hành của chúng sinh chẳng thường, chẳng đoạn mà bị quả báo, tuy niệm niệm diệt mà không có gì mất, tuy không tác giả mà có tạo nghiệp, tuy không người thọ mà có quả báo. Người thọ tuy diệt nhưng quả chẳng hư mất, không có nghĩ biết, hòa hợp mà có, tất cả chúng sinh tuy cùng mười hai nhân duyên đồng hành mà chẳng thấy chẳng biết, vì chẳng thấy chẳng biết nên không có chung thủy. Bồ-tát Thập Trụ chỉ thấy sự kết thúc của nó mà chẳng thấy sự bắt đầu. Chư Phật Thế Tôn thì thấy đầu, thấy cuối. Do nghĩa này nên chư Phật thấy được Phật tánh rõ ràng. Đây thiện nam! Tất cả chúng sinh chẳng thể thấy mười hai nhân duyên nên bị luân chuyển. Đây thiện nam! Như con tằm làm kén tự sinh, tự chết. Tất cả chúng sinh cũng như vậy, chẳng thấy Phật tánh nên tự tạo kết nghiệp lưu chuyển sinh tử giống như đá cầu. Đây thiện nam! Vậy nên ở trong các kinh Ta nói rằng, nếu có người thấy mười hai nhân duyên tức là thấy pháp, mà thấy pháp tức là thấy Phật. Phật tức là Phật tánh. Vì sao? Vì tất cả chư Phật lấy đây làm tánh. Đây thiện nam! Trí quán mười hai nhân duyên có bốn thứ: một là hạ, hai là trung, ba là thượng, bốn là thượng thượng. Người hạ trí quán chẳng thấy Phật tánh, do chẳng thấy nên họ đắc đạo Thanh văn. Người trung trí quán chẳng thấy Phật tánh, do chẳng thấy nên đắc đạo Duyên giác. Người thượng trí quán thì thấy Phật tánh chẳng

rõ ràng, vì thấy chẳng rõ ràng nên trụ ở địa Thập trụ. Người thượng thượng trí quán thì thấy Phật tánh rõ ràng nên đắc Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác. Do nghĩa này nên mười hai nhân duyên gọi là Phật tánh. Phật tánh tức là đệ nhất nghĩa không. Đệ nhất nghĩa không gọi là Trung đạo. Trung đạo tức là Phật, mà Phật gọi là Niết-bàn.

Bấy giờ, Đại Bồ-tát Sư Tử Hống bạch Phật:

–Bạch Thế Tôn! Nếu Phật cùng Phật tánh không sai khác thì tất cả chúng sinh cần gì phải tu đạo?

Đức Phật dạy:

–Này thiện nam! Như lời ông hỏi thì nghĩa này chẳng đúng. Phật cùng Phật tánh tuy không sai khác, nhưng các chúng sinh đều chưa đầy đủ. Này thiện nam! Ví như có người ác tâm hại mẹ, hại rồi sinh ra hối hận. Nghiệp thứ hai tuy tốt nhưng người vẫn gọi là người địa ngục. Vì sao? Vì người này nhất định phải đọa vào địa ngục. Người này tuy không đọa vào địa ngục, ấm, giới, nhập nhưng vẫn gọi là người địa ngục. Này thiện nam! Vậy nên ở trong các kinh Ta nói, nếu thấy có người tu hành thiện thì gọi là thấy hàng trời, người, người tu hành ác thì gọi là thấy địa ngục. Vì sao? Vì nhất định thọ báo. Này thiện nam! Tất cả chúng sinh nhất định đắc Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác. Vậy nên Ta nói, tất cả chúng sinh đều có Phật tánh, nhưng tất cả chúng sinh thật chưa có ba mươi hai tướng tốt, tám mươi vẻ đẹp. Do nghĩa này nên ở kinh này Ta nói bài kệ:

Trước có nay không

Trước không nay có

Pháp ba đời có

Là điều không có.

Này thiện nam! Có thì gồm có ba thứ: một là vị lai có, hai là hiện tại có, ba là quá khứ có. Tất cả chúng sinh đời vị lai sẽ đắc Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác. Đó gọi là Phật tánh. Tất cả chúng sinh hiện tại đều có những kiết phiến não nên hiện tại không có ba mươi hai tướng tốt, tám mươi vẻ đẹp. Tất cả chúng sinh đời quá khứ có đoạn trừ phiến não nên hiện tại thấy được Phật tánh. Do nghĩa này nên Ta thường tuyên nói, tất cả chúng sinh đều có Phật tánh,

thậm chí Nhất-xiển-đề v.v... cũng có Phật tánh. Nhất-xiển-đề v.v... không có pháp thiện mà Phật tánh là pháp thiện. Do đời vị lai sẽ có nên Nhất-xiển-đề v.v... đều có Phật tánh. Vì sao? Vì Nhất-xiển-đề v.v... nhất định sẽ thành tựu Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác. Đây thiện nam! Ví như có người, trong nhà có sữa đặc. Có người hỏi: “Ông có váng sữa không?”. Đáp: “Ta có váng sữa”. Thật chẳng phải váng sữa, nhưng dùng phương tiện khéo léo thì nhất định sẽ có được nên nói có váng sữa. Chúng sinh cũng vậy, họ đều có tâm mà phàm có tâm thì nhất định sẽ thành tựu Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác. Do nghĩa này nên Ta thường tuyên nói, tất cả chúng sinh đều có Phật tánh. Đây thiện nam! Rốt ráo có hai thứ: một là trang nghiêm rốt ráo, hai là cứu cánh rốt ráo. Một là thế gian rốt ráo, hai là xuất thế gian rốt ráo. Trang nghiêm rốt ráo là sáu Ba-la-mật. Cứu cánh rốt ráo là tất cả chúng sinh đắc Nhất thừa. Nhất thừa thì gọi là Phật tánh. Do nghĩa này nên ta nói, tất cả chúng sinh đều có Phật tánh, tất cả chúng sinh đều có Nhất thừa, nhưng vì vô minh che lấp nên chẳng thể thấy được. Đây thiện nam! Như cõi Uất-đan-việt, cõi trời Tam Thập Tam, vì bị quả báo che lấp nên chúng sinh ở cõi này chẳng thể thấy được. Phật tánh cũng vậy, các kiết sử che lấp nên chúng sinh chẳng thấy. Lại nữa, đây thiện nam! Phật tánh tức là Tam-muội Thủ-lăng-nghiêm, tánh như đề hồ tức là mẹ của tất cả chư Phật. Do năng lực của Tam-muội Thủ-lăng-nghiêm mà khiến cho chư Phật thường, lạc, ngã, tịnh. Tất cả chúng sinh đều có Tam-muội Thủ-lăng-nghiêm, nhưng vì chẳng tu hành nên chẳng thấy được. Vậy nên chẳng thể thành tựu được Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác. Đây thiện nam! Tam-muội Thủ-lăng-nghiêm có năm thứ tên: một là Tam-muội Thủ-lăng-nghiêm, hai là Bát nhã Ba-la-mật, ba là Tam-muội Kim cương, bốn là Tam-muội Sư Tử Hống, năm là Phật tánh. Tùy theo chỗ tác dụng của Tam-muội ấy mà được gọi tên. Đây thiện nam! Như một Tam-muội được đủ thứ tên: Như thiên gọi là Tứ thiên, căn gọi là định căn, lực gọi là định lực, giác gọi là định giác, chánh gọi là chánh định, bát đại nhân giác gọi là định giác. Định Thủ-lăng-nghiêm cũng như vậy. Đây thiện nam! Tất cả chúng sinh đầy đủ ba định là thượng, trung, hạ. Định thượng thì

gọi là Phật tánh. Do đó nên nói, tất cả chúng sinh đều có Phật tánh. Định trung là tất cả chúng sinh đầy đủ sơ thiền, khi có nhân duyên thì có thể tu tập, nếu không có nhân duyên thì chẳng thể tu tập. Nhân duyên có hai thứ: một gọi là tai họa về lửa, hai gọi là phá hoại sự của Dục giới. Do đó nên nói, tất cả chúng sinh đều đủ định trung. Định hạ là định tâm sở trong mười đại địa. Do đó nên nói tất cả chúng sinh đều đủ định hạ. Tất cả chúng sinh đều có Phật tánh nhưng vì phiền não che lấp nên chẳng thể thấy được. Bồ-tát Thập Trụ tuy thấy Nhất thừa nhưng chẳng biết Như Lai là pháp thường trụ. Do đó nên nói Bồ-tát Thập Trụ tuy thấy Phật tánh mà chẳng rõ ràng. Nay thiện nam! Thủ-lăng là tất cả việc đều rốt ráo. Nghiêm gọi là kiên cố. Tất cả rốt ráo mà được kiên cố thì gọi là Thủ-lăng-nghiêm. Do đó nên nói định Thủ-lăng-nghiêm là Phật tánh.

Nay thiện nam! Một thuở nọ, Ta ở bên sông Ni-liên-thiên bảo A-nan: “Nay Ta muốn tắm, ông hãy lấy y và cả bột đậu”. Ta đã vào nước rồi, tất cả loài chim bay, các loài thuộc dưới nước, trên đất đều đến xem Ta”. Bấy giờ, lại có năm trăm vị Phạm chí đến bên bờ sông. Nhân đến chỗ Ta tắm, họ đều nói với nhau: “Làm sao mà được thân kim cương? Giả sử nếu Cù-đàm chẳng nói đoạn kiến thì ta sẽ theo ông để thỉnh thọ trai”. Nay thiện nam! Lúc này, Ta dùng trí tha tâm biết được ý nghĩ của Phạm chí này nên bảo: “Sao bảo là Ta nói đoạn kiến?”. Phạm chí đó nói: “Thưa Cù-đàm! Trước đây ở mọi chỗ trong kinh, ông nói các chúng sinh đều không có ngã. Đã nói vô ngã thì sao gọi là chẳng phải đoạn kiến? Nếu vô ngã thì người trì giới là ai? Người phá giới là ai?”. Ta nói: “Ta cũng chẳng nói tất cả chúng sinh đều không có ngã, mà Ta thường tuyên nói tất cả chúng sinh đều có Phật tánh. Phật tánh thì lẽ nào chẳng phải là ngã sao? Do nghĩa này nên Ta chẳng nói đoạn. Tất cả chúng sinh chẳng thấy Phật tánh nên vô thường, vô lạc, vô ngã, vô tịnh. Như thế thì gọi là nói đoạn kiến”. Các Phạm chí nghe nói Phật tánh tức là ngã nên liền phát tâm Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác, đồng thời xuất gia tu đạo Bồ-đề. Tất cả các loài thuộc loại chim bay, loài sống dưới nước, ở trên đất cũng phát tâm Bồ-đề Vô thượng. Đã phát tâm rồi, chúng liền được xả thân. Nay thiện nam! Phật tánh này thật ra chẳng phải

ngã, nhưng vì chúng sinh nên Ta nói là ngã. Đây thiện nam! Như Lai có nhân duyên nên nói vô ngã là ngã mà chân thật là vô ngã. Tuy Ta nói lời này nhưng không có hư vọng. Đây thiện nam! vì có nhân duyên nên nói ngã là vô ngã mà thật có ngã. Vì thế giới nên tuy nói vô ngã mà không hư vọng. Phật tánh vô ngã, Như Lai nói là ngã vì Phật tánh là thường. Như Lai là ngã mà nói vô ngã vì được tự tại.

Bấy giờ, Đại Bồ-tát Sư Tử Hống bạch Phật:

–Bạch Thế Tôn! Nếu tất cả chúng sinh đều có Phật tánh như Lực sĩ Kim cương thì vì nghĩa gì mà tất cả chúng sinh chẳng thể thấy được?

Đức Phật dạy:

–Đây thiện nam! Ví như sắc pháp tuy có khác về màu sắc xanh, vàng, đỏ, trắng, về tính chất hình dáng dài ngắn, nhưng người mù chẳng thấy. Tuy họ chẳng thấy nhưng cũng chẳng thể nói, sắc pháp không có tính chất, hình dáng dài, ngắn, xanh, vàng, đỏ, trắng. Vì sao? Vì tuy người mù chẳng thấy, nhưng người mắt sáng thì thấy. Phật tánh cũng vậy, tất cả chúng sinh tuy chẳng thể thấy nhưng Bồ-tát Thập Trụ thấy một phần ít, Như Lai thấy hoàn toàn. Bồ-tát Thập Trụ thấy Phật tánh như ban đêm thấy sắc. Như Lai thấy Phật tánh thì như ban ngày thấy sắc. Đây thiện nam! Ví như người mù lòa thấy sắc chẳng rõ. Có vị lương y trị liệu cho ông ấy, nhờ hiệu lực của thuốc nên thấy được rõ ràng. Bồ-tát Thập Trụ cũng như vậy, tuy thấy Phật tánh chẳng thể rõ ràng nhưng do lực của Tam-muội Thủ-lăng-nghiêm nên có thể được rõ ràng. Đây thiện nam! Nếu có người thấy tất cả pháp là vô thường, vô lạc, vô ngã, vô tịnh và thấy cái chẳng phải tất cả pháp cũng vô thường, vô lạc, vô ngã, vô tịnh thì người như vậy chẳng thấy Phật tánh. Tất cả là sinh tử. Chẳng phải tất cả là Tam bảo. Thanh văn, Duyên giác thấy tất cả pháp vô thường, vô lạc, vô ngã, vô tịnh. Cái chẳng phải pháp cũng thấy là vô thường, vô ngã, vô lạc, vô tịnh. Do nghĩa này nên họ chẳng thấy Phật tánh. Bồ-tát Thập Trụ thấy tất cả pháp vô thường, vô lạc, vô ngã, vô tịnh; thấy một phần của chẳng phải tất cả pháp là thường, lạc, ngã, tịnh. Do nghĩa này nên trong mười phần thấy được một phần. Chư Phật

Thế Tôn thấy tất cả pháp là vô thường, vô lạc, vô ngã, vô tịnh, thấy cái chẳng phải tất cả pháp là thường, lạc, ngã, tịnh. Do nghĩa này nên thấy Phật tánh, như xem trái A-ma-lặc trong lòng bàn tay. Do nghĩa này nên định Thủ-lăng-nghiêm gọi là rốt ráo. Đây thiện nam! Ví như trăng ngày đầu tiên tuy chẳng thể thấy nhưng chẳng thể nói là không có. Phật tánh cũng vậy, tất cả phàm phu tuy chẳng thấy được nhưng cũng chẳng thể nói là không có Phật tánh.

Này thiện nam! Phật tánh đó là mười lực, bốn vô sở úy, đại bi, ba niệm xứ. Tất cả chúng sinh đều có ba pháp phá trừ phiền não nên về sau mới được thấy Nhất-xiển-đề. Phá Nhất-xiển-đề, rồi sau đó được mười lực, bốn vô sở úy, đại bi, ba niệm xứ. Do nghĩa này nên Ta thường tuyên nói, tất cả chúng sinh đều có Phật tánh.

Này thiện nam! Mười hai nhân duyên, tất cả chúng sinh đều có, cả bên trong lẫn bên ngoài. Những gì là mười hai? Phiền não quá khứ gọi là vô minh, nghiệp quá khứ gọi là hành. Trong đời hiện tại khi bắt đầu thọ thai thì gọi là thức. Vào thai mà năm phần bốn căn chưa đủ gọi là danh sắc. Đầy đủ bốn căn khi chưa gọi là xúc thì đó gọi là lục nhập. Chưa phân biệt khổ vui gọi là xúc. Nhiệm tập một ái gọi là thọ. Quen gần năm dục gọi là ái. Tham cầu trong ngoài gọi là thủ. Vì việc trong ngoài mà khởi lên nghiệp thân, miệng, ý gọi là hữu. Thức của đời hiện tại gọi là vị lai sinh. Danh sắc, lục nhập, xúc, thọ hiện tại gọi là lão bệnh tử đời vị lai. Đó gọi là mười hai nhân duyên. Đây thiện nam! Tất cả chúng sinh tuy có mười hai nhân duyên như vậy, hoặc có loại có nhưng chưa đủ. Như khi Ca-lâu-la chết thì không có mười hai, từ sinh cho đến già chết, được kể đủ mười hai. Chúng sinh cõi Sắc không có ba thứ thọ, ba thứ xúc, ba thứ ái, không có lão bệnh, thì cũng được gọi là đầy đủ mười hai. Chúng sinh cõi Vô sắc, không sắc cho đến không có lão tử mà cũng được gọi là đầy đủ là mười hai. Do họ nhất định được nên gọi là chúng sinh bình đẳng có đủ mười hai nhân duyên. Đây thiện nam! Phật tánh cũng vậy, tất cả chúng sinh nhất định sẽ được Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác. Vậy nên Ta nói, tất cả chúng sinh đều có Phật tánh. Đây thiện nam! Núi Tuyết có thứ cỏ tên là Nhẫn nhục, bò ăn vào thì cho ra đề hồ. Ở đó lại có thứ cỏ khác, nếu bò ăn thì không có

đề hồ. Tuy không có đề hồ nhưng chẳng thể nói rằng, trong núi Tuyết không có cỏ Nhẫn nhục. Phật tánh cũng vậy, núi Tuyết là gọi Như Lai, cỏ Nhẫn nhục là gọi Đại Niết-bàn, cỏ khác là mười hai bộ loại kinh điển. Chúng sinh nếu có thể nghe, thọ trì, thưa hỏi, gọi mở Đại Bát Niết Bàn thì thấy Phật tánh. Trong mười hai bộ loại kinh điển, tuy chẳng nghe nói có nhưng chẳng thể nói rằng không Phật tánh.

Này thiện nam! Phật tánh là sắc, phi sắc, phi sắc phi phi sắc, cũng tướng, phi tướng, phi tướng phi phi tướng, cũng nhất, phi nhất, phi nhất phi phi nhất, phi thường, phi đoạn, phi phi thường, phi phi đoạn, cũng hữu, cũng vô, phi hữu, phi vô, cũng tận, phi tận, phi tận phi phi tận, cũng nhân, cũng quả, phi nhân, phi quả, cũng nghĩa, phi nghĩa, phi nghĩa phi phi nghĩa, cũng tự, phi tự, phi tự phi phi tự. Sao gọi là sắc? Vì thân kim cương. Sao gọi là phi sắc? Vì mười tám pháp bất cộng chẳng phải là sắc pháp. Sao gọi là phi sắc phi phi sắc? Vì sắc chẳng phải sắc, không có định tướng. Sao gọi là tướng? Ba mươi hai tướng. Sao gọi là phi tướng? Tướng của tất cả chúng sinh chẳng hiện ra. Sao gọi là phi tướng phi phi tướng? Tướng chẳng phải tướng chẳng quyết định. Sao gọi là nhất? Tất cả chúng sinh đều là Nhất thừa. Sao gọi là phi nhất? Nói về ba thừa. Sao gọi là phi nhất phi phi nhất? Vô số pháp. Sao gọi là phi thường? Từ nhân duyên mà thấy. Sao gọi là phi đoạn? Lìa khỏi đoạn kiến. Sao gọi là phi phi thường, phi phi đoạn? Không thủ chung. Sao gọi là hữu? Tất cả chúng sinh đều là hữu. Sao gọi là vô? Từ phương tiện khéo léo mà thấy được. Sao gọi là phi hữu, phi vô? Tánh của hư không. Sao gọi là tận? Vì đặc Tam-muội Thủ-lăng-nghiêm. Sao gọi là phi tận? Vì nó thường trụ. Sao gọi là phi tận phi phi tận? Tất cả tướng tận đoạn hết. Sao gọi là nhân? Vì rõ nhân. Sao gọi là quả? Vì quả quyết định. Sao gọi là phi nhân phi quả? Vì nó thường tại. Sao gọi là nghĩa? Có thể thấu tóm hết nghĩa không ngại. Sao gọi là phi nghĩa? Chẳng thể nói. Sao gọi là phi nghĩa phi phi nghĩa? Rốt ráo rỗng không. Sao gọi là tự? Có danh xưng. Sao gọi là phi tự? Tên không tên. Sao gọi là phi tự phi phi tự? Đoạn dứt tất cả tự. Sao gọi là phi khổ phi lạc? Đoạn dứt tất cả thọ. Sao gọi là phi ngã? Chưa có thể đủ được tám tự tại. Sao gọi

là phi phi ngã? Do nó thường trụ. Sao gọi là phi ngã phi phi ngã? Chẳng tác, chẳng thọ. Sao gọi là không? Đệ nhất nghĩa không. Sao gọi là phi không? Do nó thường trụ. Sao gọi là phi không phi phi không? Có thể vì pháp thiện tạo tác chủng tử. Nay thiện nam! Nếu có người có thể suy nghĩ hiểu rõ nghĩa của kinh Đại Niết-bàn như vậy thì phải biết người này thấy được Phật tánh. Phật tánh chẳng thể nghĩ bàn mới chính là cảnh giới của chư Phật Như Lai, chẳng phải là điều hiểu biết của hàng Thanh văn, Duyên giác. Nay thiện nam! Phật tánh chẳng phải là ấm, giới, nhập, chẳng phải vốn không nay có, chẳng phải đã có rồi trở lại không, từ nhân duyên thiện mà chúng sinh thấy được. Ví như sắt đem cho vào lửa thì đỏ, lấy ra nguội thì trở lại màu đen, màu đen này chẳng phải bên trong, chẳng phải bên ngoài mà do nhân duyên nên có. Phật tánh cũng vậy, lửa phiền não của tất cả chúng sinh diệt thì được nghe thấy. Nay thiện nam! Như hạt giống diệt rồi thì mầm được sinh mà tánh của mầm này chẳng phải bên trong, chẳng phải bên ngoài cho đến hoa quả cũng như vậy, từ duyên nên có. Nay thiện nam! Kinh điển vi diệu Đại Niết-bàn này thành tựu đầy đủ vô lượng công đức. Phật tánh cũng vậy, đều là sự thành tựu của vô lượng vô biên công đức.

Bấy giờ, Đại Bồ-tát Sư Tử Hống bạch Phật:

–Bạch Thế Tôn! Bồ-tát thành tựu đầy đủ bao nhiêu pháp để được thấy Phật tánh mà chẳng rõ ràng? Các Đức Phật thành tựu bao nhiêu pháp mà được thấy rõ ràng?

–Nay thiện nam! Bồ-tát thành tựu đầy đủ mười pháp tuy thấy Phật tánh mà chẳng rõ ràng. Những gì là mười? Một là thiếu dục, hai là tri túc, ba là tịch tĩnh, bốn là tinh tấn, năm là chánh niệm, sáu là chánh định, bảy là chánh tuệ, tám là giải thoát, chín là khen ngợi giải thoát, mười là dùng Đại Niết-bàn giáo hóa chúng sinh.

Bồ-tát Sư Tử Hống bạch:

–Bạch Thế Tôn! Thiếu dục và tri túc có gì sai biệt?

Đức Phật dạy:

–Nay thiện nam! Thiếu dục là chẳng cầu, chẳng lấy. Tri túc là khi được ít lòng chẳng hối hận. Thiếu dục là ít có sự ham muốn. Tri

túc là chỉ vì pháp sự, lòng chẳng sâu nã. Này thiện nam! Dục có ba thứ: một là dục ác, hai là đại dục, ba là dục dục. Dục ác là nếu có Tỳ-kheo, lòng sinh tham dục muốn làm thượng thủ của tất cả đại chúng, khiến cho tất cả chúng Tăng theo sau mình, khiến cho những bốn bộ chúng đều cúng dường, cung kính, khen ngợi, tôn trọng mình, muốn ở trước bốn bộ chúng nói pháp đều khiến cho tất cả tin thọ lời của mình, cũng muốn khiến cho quốc vương, đại thần, trưởng giả đều cung kính mình, khiến cho mình được nhiều y phục, ẩm thực, ngọa cụ, y dược, nhà cửa đẹp đẽ, đó là dục của sinh tử, nên gọi là dục ác. Sao gọi là đại dục? Nếu có Tỳ-kheo sinh ra dục tâm: “Làm sao khiến cho bốn bộ chúng đều biết ta được địa Sơ trụ cho đến địa Thập trụ, được Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác, được quả Tu-đà-hoàn cho đến quả A-la-hán, được Tứ thiên cho đến trí vô ngại”, để được lợi dưỡng, thì đó gọi là đại dục. Dục dục là, nếu có Tỳ-kheo muốn sinh làm Phạm thiên, Ma thiên, Tự Tại thiên, Chuyển luân Thánh vương, hoặc Sát-lợi, hoặc Bà-la-môn để được tự tại, thì đó là vì lợi dưỡng nên gọi là dục dục. Nếu chẳng bị ba thứ ác dục này làm hại thì đó gọi là thiếu dục. Dục là gọi hai mươi lăm thứ yêu thích. Không có hai mươi lăm thứ yêu thích như vậy thì đó gọi là thiếu dục. Chẳng cầu việc mong muốn ở vị lai thì đó gọi là thiếu dục. Được mà chẳng tham đắm thì đó gọi là tri túc. Chẳng cầu cung kính, đó gọi là thiếu dục. Được chẳng cất chứa, đó gọi là tri túc. Này thiện nam! Cũng có người thiếu dục nhưng chẳng gọi là tri túc, có người tri túc nhưng chẳng gọi là thiếu dục, cũng có người thiếu dục cũng là tri túc, có người chẳng tri túc chẳng thiếu dục. Thiếu dục là Tu-đà-hoàn, tri túc là Phật-bích-chi, thiếu dục tri túc là A-la-hán, chẳng thiếu dục chẳng tri túc là Bồ-tát. Này thiện nam! Thiếu dục tri túc lại có hai thứ, một là thiện, hai là chẳng thiện. Chẳng thiện là phàm phu. Thiện là Thánh nhân Bồ-tát. Tất cả Thánh nhân tuy được đạo quả nhưng chẳng tự xưng, vì chẳng tự xưng nên lòng chẳng hối hận. Đó gọi là tri túc. Này thiện nam! Đại Bồ-tát tu tập kinh Đại Niết-bàn Đại Thừa muốn thấy Phật tánh nên tu tập thiếu dục tri túc. Sao gọi là tịch tĩnh? Tịch tĩnh có hai, một là tâm tịch tĩnh, hai là thân tịch tĩnh. Thân tịch tĩnh thì chẳng bao giờ tạo tác ba thứ ác của thân. Tâm tịch tĩnh thì

cũng chẳng bao giờ tạo tác ba thứ ác của ý. Đó gọi là thân tâm tịch tĩnh. Thân tịch tĩnh thì chẳng bao giờ thân cận bốn chúng, chẳng can dự vào việc làm của bốn chúng. Tâm tịch tĩnh thì chẳng bao giờ tu tập tham dục, sân hận, ngu si. Đó gọi là thân tâm tịch tĩnh. Hoặc có Tỳ-kheo, thân tuy tịch tĩnh mà tâm chẳng tịch tĩnh, có Tỳ-kheo tâm tịch tĩnh mà thân chẳng tịch tĩnh, có Tỳ-kheo thân tâm đều tịch tĩnh, lại có Tỳ-kheo thân tâm đều chẳng tịch tĩnh. Thân tịch tĩnh, tâm chẳng tịch tĩnh là, hoặc có Tỳ-kheo ngồi thiền chỗ tịch tĩnh, xa lìa bốn chúng mà tâm thường tích tập tham dục, sân hận, ngu si. Đó gọi là thân tịch tĩnh, tâm chẳng tịch tĩnh. Tâm tịch tĩnh, thân chẳng tịch tĩnh là, hoặc có Tỳ-kheo thân cận bốn chúng, quốc vương, đại thần mà đoạn trừ tham, sân, si. Đó gọi là tâm tịch tĩnh, thân chẳng tịch tĩnh. Thân tâm đều tịch tĩnh là chư Phật, Bồ-tát. Thân tâm chẳng tịch tĩnh là các phàm phu. Vì sao? Vì người phàm phu tuy thân tâm có tịch tĩnh nhưng chẳng thể quan sát sâu vô thường, vô lạc, vô ngã, vô tịnh. Do nghĩa này nên người phàm phu chẳng thể tịch tĩnh nghiệp của thân, miệng, ý. Hạng Nhất-xiển-đề phạm bốn trọng cấm, tạo nên tội ngũ nghịch v.v... người như vậy cũng chẳng được gọi là thân tâm tịch tĩnh. Sao gọi là tinh tấn? Nếu có Tỳ-kheo muốn khiến cho nghiệp thân, miệng, ý thanh tịnh, xa lìa tất cả các nghiệp bất thiện, tu tập tất cả các nghiệp thiện thì đó gọi là tinh tấn. Người đủ tinh tấn thì luôn nghĩ đến sáu chỗ đó là Phật, Pháp, Tăng, Giới, Thí, Trời. Đó gọi là chánh niệm. Người đủ chánh niệm thì sở đắc Tam-muội. Đó gọi là chánh định. Người đủ chánh định thì xem thấy các pháp giống như hư không. Đó gọi là chánh tuệ. Người đủ chánh tuệ thì xa lìa các kết của tất cả phiền não. Đó gọi là giải thoát. Người được giải thoát thì vì các chúng sinh khen ngợi giải thoát rằng, giải thoát này thường hằng bất biến. Đó gọi là tán thán giải thoát. Giải thoát tức là Đại Bát Niết Bàn vô thượng. Niết-bàn tức là lửa các kiết sử phiền não diệt. Lại nữa, Niết-bàn gọi là nhà cửa. Vì sao? Vì có thể ngăn chặn gió mưa phiền não ác. Lại nữa, Niết-bàn gọi là quy y. Vì sao? Vì có thể vượt qua các sự sợ hãi. Lại, Niết-bàn gọi là bến bãi. Vì sao? Vì bốn dòng sông chảy xiết chẳng thể cuốn trôi. Những gì là bốn? Một là dòng sông Dục, hai là dòng sông Hữu, ba là dòng sông Kiến, bốn

là dòng sông Vô minh. Vậy nên Niết-bàn gọi là bến bãi. Lại, Niết-bàn gọi là chỗ về rốt ráo. Vì sao? Vì có thể được tất cả niềm vui rốt ráo. Nếu có Đại Bồ-tát thành tựu đầy đủ mười pháp như vậy thì tuy thấy Phật tánh mà chẳng rõ ràng. Lại nữa, này thiện nam! Người xuất gia có bốn thứ bệnh nên chẳng được bốn quả Sa-môn. Những gì là bốn bệnh? Đó là bốn sự ham muốn xấu: một là ham muốn y phục, hai là tham ăn, ba là ham thích ngọa cụ, bốn là ham muốn hữu. Đó gọi là bốn dục ác, là bệnh của người xuất gia. Có bốn thứ thuốc có thể trị liệu các chứng bệnh ấy. Đó là, y phẩn tảo có thể trị liệu Tỳ-kheo bị bệnh ham muốn y phục, khát thực có thể phá bệnh ham muốn ăn uống, ở dưới cây có thể phá bệnh ham muốn ngọa cụ, thân tâm tịch tĩnh có thể phá trừ bệnh ham muốn hữu của Tỳ-kheo. Nhờ bốn thứ thuốc này trừ được bốn bệnh đó. Bốn thứ thuốc này gọi là hạnh Thánh. Những hạnh Thánh như vậy được gọi là thiếu dục tri túc. Tịch tĩnh thì có bốn niềm vui. Những gì là bốn? Một là niềm vui xuất gia, hai là niềm vui tịch tĩnh, ba là niềm vui vĩnh diệt, bốn là niềm vui rốt ráo. Được bốn niềm vui này gọi là tịch tĩnh. Đủ bốn tinh tấn nên gọi là tinh tấn. Đủ bốn niệm xứ nên gọi là chánh niệm. Đủ bốn thiền nên gọi là chánh định. Thấy bốn sự thật cao thượng nên gọi là chánh tuệ. Đoạn trừ vĩnh viễn tất cả phiền não kiết nên gọi là giải thoát. Quả trách tất cả lỗi phiền não nên gọi là khen ngợi giải thoát. Này thiện nam! Đại Bồ-tát an trụ đầy đủ mười pháp như vậy thì tuy thấy Phật tánh mà chẳng rõ ràng. Lại nữa, này thiện nam! Đại Bồ-tát nghe kinh này rồi thì gần gũi tu tập, xa lìa tất cả việc của thế gian, đó gọi là thiếu dục. Đã xuất gia rồi thì chẳng sinh lòng hối hận, đó gọi là tri túc. Đã tri túc rồi thì gần chỗ trống vắng, xa lìa ồn ào, đó gọi là tịch tĩnh. Người chẳng biết tri túc thì chẳng ưa chỗ trống vắng. Phàm người tri túc thì thường ưa không tịch. Họ ở chỗ trống vắng thường khởi ý niệm này: “Tất cả thế gian đều cho là ta được đạo quả Sa-môn, nhưng nay ta thật sự chưa được thì sao lại lừa dối, mê hoặc mọi người”. Khởi ý niệm này rồi, họ tinh cần tu tập đạo quả Sa-môn, đó gọi là tinh tấn, Thân cận tu tập Đại Niết-bàn thì đó gọi là chánh niệm. Thuận theo thiên hạnh thì đó gọi là chánh định. An trụ ở định này mà chánh kiến, chánh tri thì đó gọi là chánh tuệ.

Thấy biết chân chánh thì có thể được xa lìa sự trói buộc của phiền não. Đó gọi là giải thoát. Bồ-tát Thập Trụ vì chúng sinh nên xưng tán Niết-bàn thì đó gọi là khen ngợi giải thoát. Nay thiện nam! Đại Bồ-tát an trụ đầy đủ mười pháp như vậy thì tuy thấy Phật tánh mà chẳng rõ ràng. Lại nữa, nay thiện nam! Nói về thiếu dục thì như có Tỳ-kheo trụ ở chỗ trống vắng, ngồi ngay ngắn, chẳng nằm. Hoặc Tỳ-kheo trụ ở gốc cây, hoặc tại bãi tha ma, hoặc tại chỗ trống trải, tùy theo chỗ đất có cỏ mà ngồi lên, xin thức ăn mà ăn, tùy theo thức ăn xin được mà cho là đủ, hoặc chỉ một lần ngồi ăn chẳng quá một lần, chỉ cất giữ ba y mà là y phẩn tảo cũ mục, đó gọi là thiếu dục. Đã làm việc này mà lòng chẳng sinh hối hận thì đó gọi là tri túc. Tu Tam-muội Không, đó gọi là tịch tĩnh. Được bốn quả rồi mà đối với tâm Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác chẳng ngưng nghỉ thì đó gọi là tinh tấn. Lòng luôn luôn suy nghĩ, Như Lai thường hằng không có biến dịch thì đó gọi là chánh niệm. Tu tám giải thoát thì đó gọi là chánh định. Được bốn vô ngại thì đó gọi là chánh tuệ. Xa lìa bảy lậu thì đó gọi là giải thoát. Khen ngợi Niết-bàn không có mười tướng thì gọi là khen ngợi giải thoát. Mười tướng là sinh, lão, bệnh, tử, sắc, thanh, hương, vị, xúc, vô thường. Xa lìa mười tướng thì gọi là Đại Niết-bàn. Nay thiện nam! Đó gọi là Đại Bồ-tát an trụ đầy đủ mười pháp như vậy, tuy thấy Phật tánh mà chẳng rõ ràng. Lại nữa, nay thiện nam! Vì thiếu dục nên gần gũi quốc vương, đại thần, Trưởng giả, Sát-lợi, Bà-la-môn, Tỳ-xá, Thủ-đà và tự xưng là: “Ta được quả Tu-đà-hoàn cho đến quả A-la-hán”. Vì lợi dưỡng nên đi, đứng, nằm, ngồi thậm chí cả khi đi đại tiểu tiện mà nếu thấy đàn-việt thì vẫn tỏ vẻ cung kính, tiếp dẫn, chuyện trò. Phá dục ác thì gọi là thiếu dục. Tuy chưa có thể phá hoại hết các kiết phiền não mà có thể đồng việc làm với Như Lai thì đó gọi là tri túc. Nay thiện nam! Hai pháp như vậy mới là nhân duyên gần của niệm định thường được thấy, bạn học khen ngợi. Ta cũng thường ở khắp nơi trong kinh, xưng dương, khen ngợi hai pháp như vậy. Nếu người có thể đầy đủ hai pháp này thì được gần với cửa Đại Niết-bàn và năm thứ vui. Đó gọi là tịch tĩnh. Người kiên trì giới thì gọi là tinh tấn. Người có hổ thẹn thì gọi là chánh niệm. Chẳng thấy tâm tướng thì gọi là chánh định.

Chẳng cầu nhân duyên tánh tướng của các pháp thì gọi là chánh tuệ. Không có tướng thì phiền não đoạn trừ. Đó gọi là giải thoát. Khen ngợi Kinh Đại Niết-bàn như vậy thì gọi là tán thán giải thoát. Này thiện nam! Đó gọi là Đại Bồ-tát an trụ ở mười pháp, tuy thấy Phật tánh mà chẳng rõ ràng. Này thiện nam! Như lời ông hỏi, Bồ-tát Thập Trụ dùng mắt gì, tuy thấy Phật tánh mà chẳng rõ ràng? Chư Phật Thế Tôn dùng mắt gì mà thấy Phật tánh rõ ràng? Này thiện nam! Các Bồ-tát đó dùng tuệ nhãn thấy nên chẳng được rõ ràng. Chư Phật dùng Phật nhãn thấy nên được rõ ràng. Vì hạnh Bồ-đề nên chẳng rõ ràng, nếu không có hạnh thì được rõ ràng. Trụ ở thập trụ nên tuy thấy mà chẳng rõ, chẳng trụ, chẳng bỏ thì được rõ ràng. Nhân trí tuệ của Đại Bồ-tát nên thấy chẳng rõ ràng. Chư Phật Thế Tôn đoạn trừ nhân quả nên thấy rõ ràng. Giác ngộ tất cả thì gọi là Phật tánh. Bồ-tát Thập Trụ chẳng được gọi là giác ngộ tất cả. Vậy nên Bồ-tát đó tuy thấy mà chẳng rõ ràng. Này thiện nam! Thấy có hai thứ, một là mắt thấy, hai là nghe thấy. Chư Phật Thế Tôn mắt thấy Phật tánh như xem quả A-ma-lặc ở trong lòng bàn tay. Bồ-tát Thập Trụ nghe thấy Phật tánh nên chẳng rõ ràng. Bồ-tát Thập Trụ chỉ có thể tự biết nhất định đắc Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác mà chẳng thể biết tất cả chúng sinh đều có Phật tánh.

